

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2023
V/v: *Tranh chấp về ly hôn, nuôi con
chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Điền và ông Nguyễn Việt Tác

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyến – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2023 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/HNGĐST-QĐ ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nông Thị N – sinh năm 1984. Trú tại: Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* Bị đơn: Anh Nông Văn H – sinh năm 1984. Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng chị Nông Thị N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N kết hôn với anh Nông Văn H năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn của chị N và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị N và anh H chung sống tại thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, mấy năm gần đây chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, hiện không còn quan tâm đến nhau, đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn

là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Anh H hay đi uống rượu chè, cờ bạc, nhiều lần xúc phạm, đánh đập ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của chị N. Mặc dù, sự việc đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương can thiệp, nhắc nhở nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Nông Văn H.

- Về con chung: Chị Nông Thị N và anh Nông Văn H có 02 (hai) con chung tên là Nông Thị Thùy L, sinh ngày 14/9/2006 và Nông Thị Thùy Tr, sinh ngày 30/11/2015. Khi ly hôn chị N đề nghị giao 02 con chung cho anh Nông Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không đề nghị xem xét vì hiện nay chị N chưa có việc làm, thu nhập chưa ổn định. Chị N sẽ thực hiện cấp dưỡng theo khả năng kinh tế của bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét về việc cấp dưỡng đối với con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nông Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không gửi ý kiến cho Tòa án.*

Do các bên đương sự không tự thỏa thuận, thống nhất được tất cả các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chị Nông Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nông Văn H.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N. Cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị N. Cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Nông Văn H.

+ Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên là Nông Thị Thùy L, sinh ngày 14/9/2006 và Nông Thị Thùy Tr, sinh ngày 30/11/2015 cho anh Nông Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Ngày 04/5/2023 Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn anh Nông Văn H vắng mặt đồng thời nguyên đơn chị Nông Thị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải sau khi mở phiên họp. Ngày 14/8/2023 Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng.

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định hiện nay anh Nông Văn H vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn Bản T, xã Xuân L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, mặc dù không rõ thời điểm anh H trở về địa phương nhưng anh H vẫn thỉnh thoảng về thăm con chung, gia đình vẫn liên lạc thường xuyên qua điện thoại và mạng xã hội zalo, facebook với anh H. Tòa án đã tiến hành giao cho gia đình anh H, đồng thời niêm yết tại địa phương các văn bản tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng, nhưng anh Nông Văn H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nông Văn H.

[3] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị Nông Thị N; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai, khách quan tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của chị N tại phiên tòa và kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, có đủ căn cứ xác định: Chị Nông Thị N và anh Nông Văn H có hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 05/4/2006 tại giấy kết hôn số 13. Trong quá trình chung sống chị N và anh H hay xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, bạo lực gia đình thường xuyên. Nguyên nhân mâu thuẫn được xác định là do anh H hay thường xuyên rượu chè, cờ bạc nên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã, đánh đập nhau. Sự việc nghiêm trọng kéo dài đã được gia đình và chính quyền địa phương can thiệp, nhắc nhở nhiều lần. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau.

Trong quá trình tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, niêm yết các văn bản tố tụng về việc giải quyết vụ án, nhưng anh H không có ý kiến thể hiện quan điểm của mình về việc ly hôn, nuôi con chung. Điều đó cho thấy anh H cũng không có thiện chí quay về đoàn tụ.

Qua xác minh, gia đình anh H cho biết: Anh H biết việc hiện nay Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, nuôi con chung giữa chị N và anh H. Do vợ chồng ly thân đã lâu, thực tế cũng xảy ra mâu thuẫn như chị N trình bày. Anh H cũng nhất trí ly hôn và không có ý kiến gì khác, do không sắp xếp được công việc nên anh H không về tham gia tố tụng đối với vụ án.

Điều 56. Luật hôn nhân gia đình quy định:

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị N đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn là có căn cứ cần được xem xét, chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Chị Nông Thị N và anh Nông Văn H có 02 (hai) con chung tên là Nông Thị Thùy L, sinh ngày 14/9/2006 và Nông Thị Thùy Tr, sinh ngày 30/11/2015. Từ khi chị N và anh H sống ly thân đến nay cả 02 con chung đều sống cùng bố mẹ anh H và anh H tại thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Khi ly hôn chị N đề nghị giao 02 con chung cho anh Nông Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Chị N cũng không đề nghị xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay chị N chưa có việc làm, thu nhập chưa ổn định.

Hai con chung đều có nguyện vọng được anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Qua xác minh, gia đình anh H cung cấp: Anh H mặc dù đi làm xa nhưng vẫn thường xuyên gửi tiền về nuôi con chung, anh H cũng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung do các con chung đã sinh sống cùng bố, ông bà nội liên tục từ trước đến nay và không yêu cầu chị N cấp dưỡng do chị N hiện nay chưa có việc làm và thu nhập ổn định.

Tại biên bản xác minh ngày 09/8/2023 xác minh về tình trạng hôn nhân của anh H và chị N, bố mẹ anh H xác nhận: Nếu chị N và anh H ly hôn chúng tôi vẫn có trách nhiệm hỗ trợ việc trông nom, chăm sóc con chung của anh H và chị N để các con chung có điều kiện phát triển và học tập tốt nhất.

Do vậy, giao hai con chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nông Thị N Không yêu cầu xem xét; anh Nông Văn H không có ý kiến về chia tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Chị Nông Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện việc ly hôn, nuôi con chung của chị Nông Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N được ly hôn với anh Nông Văn H.

- Về con chung: Chị Nông Thị N và anh Nông Văn H có 02 (hai) con chung tên là Nông Thị Thùy L, sinh ngày 14/9/2006 và Nông Thị Thùy Tr, sinh ngày 30/11/2015.

Giao hai con chung cho anh Nông Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị N đã nộp theo biên lai số 00001434 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn, chị Nông Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Kan;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã N
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hiền Công Hạnh